

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **409/2020/DS-PT**

Ngày: 27-5-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Trung

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số 477/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2122/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1958

Địa chỉ: đường C, Phường H, quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Bùi Gi P**, sinh năm 1962; địa chỉ: đường H, phường T, Quận M, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền.

(Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2019).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Hải Đ**, sinh năm: 1961, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Trần Hải Đức - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Tập đoàn M

Địa chỉ trụ sở: đường H, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1994, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền.

(Văn bản ủy quyền số 94/2019/GUQ-CTHĐQT ngày 16/8/2019).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2019, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn do ông Bùi Gi P làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên đơn cho bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn M vay 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 00211/2013/HĐVT ngày 03 tháng 12 năm 2013; các Phụ lục hợp đồng số 0211/013/PLHĐ/Lần 01 ngày 15 tháng 12 năm 2014, số 0211/013/PLHĐHTKD-Lần 02 ngày 19 tháng 02 năm 2016, số 0211/013/PLHĐHTKD-Lần 03 ngày 05 tháng 3 năm 2018. Từ lúc ký hợp đồng đến nay, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 2.000.000.000 đồng nợ gốc và 453.356.000 đồng nợ lãi từ tháng 01 năm 2017 đến ngày 04 tháng 11 năm 2019 (theo lãi suất 8%/năm).

Ông Nguyễn Quang T là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền số 00211/2013/HĐVT ngày 03 tháng 12 năm 2013 và đề nghị thanh toán mỗi tháng 200.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 477/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H quyết định:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 2.000.000.000 đồng nợ gốc và 460.911.933 đồng nợ lãi tính đến

ngày 21 tháng 11 năm 2019 theo Hợp đồng vay tiền số 00211/2013/HĐVT ngày 03 tháng 12 năm 2013.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 40.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0007909 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.218.239 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền số 00211/2013/HĐVT ngày 03 tháng 12 năm 2013; các Phụ lục hợp đồng số 0211/013/PLHĐ/Lần01 ngày 15 tháng 12 năm 2014, số 0211/013/PLHĐHTKD-Lần 02 ngày 19 tháng 02 năm 2016, số 0211/013/PLHĐHTKD-Lần 03 ngày 05 tháng 3 năm 2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2019, bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn M có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo Công ty Cổ phần Tập đoàn M trình bày: Đồng ý trả số nợ gốc 2.000.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 300.000.000 đồng, yêu cầu xem xét lại tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn do ông Bùi Gi P làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ gì khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận xét và đề nghị:

Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự được đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Án sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại tiền lãi là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, do đó về hình thức là hợp lệ.

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là chính xác.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn M:

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự đã có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 0.6667%/tháng, có lập Hợp đồng vay tiền và các Phụ lục hợp đồng như đã nêu. Bị đơn chỉ thanh toán tiền lãi đến hết tháng 12/2016 và chưa trả nợ gốc.

[4.2] Bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm vì lý do không đồng ý với toàn bộ án sơ thẩm nhưng lại không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hoặc luận cứ nào để cho rằng án sơ thẩm xét xử không đúng, trong khi bị đơn xác nhận chưa trả nợ gốc và chưa trả tiền lãi từ tháng 01/2017 cho đến nay. Do

đó, xét án sơ thẩm đã quyết định buộc bị đơn phải trả nợ gốc và nợ lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng là có cơ sở.

[4.3] Tuy nhiên, án sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để quyết định miễn án phí cho ông T do ông T là người cao tuổi là chưa đúng. Vì trong vụ án này ông Thủy được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong trường hợp này.

[4.4] Từ những cơ sở chứng cứ và nhận định trên, xét án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ pháp luật. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5.] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 và Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn M. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 477/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố H.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn M phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty Cổ phần Tập đoàn M đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0005505 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M. Công ty Cổ phần Tập đoàn M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc